

Bản án số: 09/2020/KDTM-ST
Ngày: 09 - 3 - 2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Lâm
2. Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 86/2019/TLST-KDTM ngày 06 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T

Địa chỉ: đường D, phường T2, quận T3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông A, trú tại: đường L, Phường 15, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số: 02-08/18/UQ ngày 06 tháng 8 năm 2019) có mặt.

2. Bị đơn: Công ty Cổ phần C

Địa chỉ: đường D, Phường E, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông I, trú tại: đường K, Phường L, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền số 26/2019/GUQ ngày 24 tháng 9 năm 2019) có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 6 năm 2019 nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn T và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông A đều trình bày: Giữa

Công ty Cổ phần C và Công ty TNHH T có giao kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số: PAT-06005-17 ngày 09/4/2017. Theo đó, từ ngày 21/6/2017 đến ngày 22/5/2018, Công ty C có mua hàng hóa sơn và bột trét của Công ty T với tổng số tiền 3.860.890.000 đồng. Công ty C đã thanh toán tổng cộng số tiền 2.900.000.000 đồng, cụ thể:

Ngày 21/6/2017 thanh toán 100.000.000 đồng;
Ngày 23/6/2017 thanh toán 100.000.000 đồng;
Ngày 18/7/2017 thanh toán 200.000.000 đồng;
Ngày 18/8/2017 thanh toán 200.000.000 đồng;
Ngày 20/9/2017 thanh toán 300.000.000 đồng;
Ngày 24/10/2017 thanh toán 200.000.000 đồng;
Ngày 17/11/2017 thanh toán 150.000.000 đồng;
Ngày 26/12/2017 thanh toán 250.000.000 đồng;
Ngày 15/01/2018 thanh toán 300.000.000 đồng;
Ngày 09/02/2018 thanh toán 150.000.000 đồng;
Ngày 15/3/2018 thanh toán 200.000.000 đồng;
Ngày 23/3/2018 thanh toán 100.000.000 đồng;
Ngày 02/4/2018 thanh toán 100.000.000 đồng;
Ngày 23/4/2018 thanh toán 300.000.000 đồng;
Ngày 16/5/2018 thanh toán 150.000.000 đồng;
Ngày 24/01/2019 thanh toán 100.000.000 đồng.

Tại Biên bản đối chiếu công nợ đến ngày 27/4/2019, hai bên đã xác nhận Công ty C còn nợ số tiền 960.890.000đ (Chín trăm sáu mươi triệu tám trăm chín mươi ngàn) đồng. Kể từ thời điểm đó đến nay, Công ty Trách nhiệm hữu hạn T đã nhiều lần yêu cầu nhưng Công ty C không thực hiện trả nợ. Nguyên đơn khởi kiện và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty C trả số tiền 960.890.000đ (Chín trăm sáu mươi triệu tám trăm chín mươi ngàn) đồng, yêu cầu trả một lần trong thời hạn 01 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, ông I là người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty Cổ phần C trình bày: Công ty Cổ phần C thừa nhận có ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số: PAT-06005-17 ngày 09/4/2017 và đã nhận đủ số hàng hóa sơn nước, bột trét như Công ty T đã trình bày. Đến nay Công ty C còn nợ Công ty T số tiền mua hàng 960.890.000đ (Chín trăm sáu mươi triệu tám trăm chín mươi ngàn) đồng theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 27/4/2019 là đúng. Lý do của việc không thanh toán đúng hạn là do công ty gặp khó khăn trong kinh doanh. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì Công ty C không có ý kiến, công ty đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của

những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án có vi phạm Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vi phạm nêu trên không làm thay đổi bản chất vụ án, không làm ảnh hưởng đến tính khách quan, toàn diện, đầy đủ và chính xác khi giải quyết vụ án nên Viện kiểm sát chỉ kiến nghị để Tòa án rút kinh nghiệm.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Hợp đồng mua bán hàng hóa số PAT-06005-17 ngày 09/4/2017, có cơ sở xác định giữa Công ty T và Công ty C có ký kết hợp đồng về việc mua bán sơn nước và bột trét. Do Công ty C vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty T khởi kiện yêu cầu Công ty C trả số nợ gốc hợp đồng. Căn cứ Biên bản đối chiếu công nợ đến ngày 27/4/2019, bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn số tiền mua hàng là 960.890.000 đồng. Tuy nhiên, bị đơn yêu cầu được trả nợ thành nhiều lần do công ty đang gặp khó khăn. Xét thấy, từ ngày trả nợ cuối cùng là 24/01/2019 đến nay bị đơn không thanh toán thêm bất kỳ số tiền nợ nào cho nguyên đơn. Yêu cầu trả nợ nhiều lần của bị đơn là không có lợi cho nguyên đơn, nguyên đơn đã đôn đốc, nhắc nhở trả nợ nhiều lần nhưng bị đơn không thực hiện.

Căn cứ Điều 24, Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại 2005; Điều 440 Bộ luật Dân sự 2015 và khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T, buộc Công ty Cổ phần C thanh toán cho Công ty T số tiền nợ gốc 960.890.000 đồng một lần trong thời hạn 30 ngày ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Công ty C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* Công ty T khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty Cổ phần C trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán hàng hóa đã ký kết. Do đó đây là tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét bị đơn có trụ sở tại địa chỉ: đường D, Phường E, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tiểu mục 4.2 Mục 4 Hợp đồng mua bán hàng hóa số: PAT-06005-17 ngày 09/4/2017, các bên thỏa thuận trường hợp có tranh chấp sẽ đưa ra Tòa Kinh tế, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết. Như đã nhận định trên, xét thỏa thuận này bị vô hiệu, nhưng phần vô hiệu này không làm ảnh hưởng đến hiệu lực của những phần còn lại của hợp đồng.

[1.2] *Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình:* Trong vụ án này Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức

xác minh trụ sở đăng ký hoạt động của bị đơn tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01/8/2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phải tham gia phiên tòa theo quy định.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Hợp đồng mua bán hàng hóa số: PAT-06005-17 ngày 09/4/2017 thể hiện tại thời điểm giao kết chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự, hợp đồng đều do người đại diện theo pháp luật ký kết. Hình thức của hợp đồng được lập bằng văn bản, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng trên nguyên tắc tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của các bên nên xác định hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Căn cứ vào lời khai cũng như các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình, thể hiện trong quá trình thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Về phía bị đơn xác nhận đã nhận hàng hóa đầy đủ, đúng chủng loại, chất lượng theo hợp đồng đã ký kết, bên bán đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định và bị đơn không tranh chấp về hàng hóa. Tại Biên bản đối chiếu công nợ ngày 27/4/2019, hai bên xác nhận tính đến ngày 27/4/2019, bị đơn còn nợ nguyên đơn 960.890.000đ (Chín trăm sáu mươi triệu tám trăm chín mươi ngàn) đồng tiền mua hàng. Theo nguyên đơn thì kể từ thời điểm xác nhận công nợ đến nay, bị đơn vẫn không thực hiện thanh toán nợ cho nguyên đơn, điều này cũng được bị đơn thừa nhận. Về yêu cầu đòi thanh toán 960.890.000đ (Chín trăm sáu mươi triệu tám trăm chín mươi ngàn) đồng của Hợp đồng mua bán hàng hóa số: PAT-06005-17 ngày 09/4/2017 thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền nói trên. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*2. Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, khẳng định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 960.890.000đ (Chín trăm sáu mươi triệu tám trăm chín mươi ngàn) đồng từ Hợp đồng mua bán hàng hóa số: PAT-06005-17 ngày 09/4/2017 và bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 50; Điều 55 Luật Thương mại năm 2005 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền mua hàng còn thiếu 960.890.000đ (Chín trăm sáu mươi triệu tám trăm chín mươi ngàn) đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Về thời hạn và phương thức thanh toán: Xét bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán một lần trong thời hạn 01 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí:

[4.1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 960.890.000đ (Chín trăm sáu mươi triệu tám trăm chín mươi ngàn) đồng được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại. Án phí bị đơn phải chịu là 40.826.700đ (Bốn mươi triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn bảy trăm) đồng.

[4.2] Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 20.413.350đ (Hai mươi triệu bốn trăm mười ba ngàn ba trăm năm mươi) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2018/0038863 ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 401 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 24; Điều 50 và Điều 55 của Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24 ; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T.

1.1. Buộc Công ty Cổ phần C phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T số tiền 960.890.000đ (Chín trăm sáu mươi triệu tám trăm chín mươi ngàn) đồng. Thanh toán một lần trong thời hạn 01 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các bên thực hiện dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí:

2.1. Công ty Cổ phần C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 40.826.700đ (Bốn mươi triệu tám trăm hai mươi sáu ngàn bảy trăm) đồng.

2.2. Hoàn trả lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T số tiền 20.413.350đ (Hai mươi triệu bốn trăm mười ba ngàn ba trăm năm mươi) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2018/0038863 ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Chính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Chính

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Chính